

Số: /NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ BA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 372/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân Tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng
Tháp 05 năm (2021-2025);*

*Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân Tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, với một số nội dung sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu kép “*vừa phòng, chống dịch bệnh vừa phát triển kinh tế - xã hội*”, kiểm soát tốt tình hình dịch Covid-19, giữ vững địa bàn an toàn để người dân, doanh nghiệp an tâm sinh sống và sản xuất, kinh doanh. Đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho các thành phần kinh tế phục hồi và phát triển. Thúc đẩy tăng trưởng đi đôi với tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Phát huy tối đa mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực nội tại cho đầu tư phát triển trên nền tảng tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, tái cơ cấu công nghiệp, chuyển đổi số, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Thúc đẩy chuyển dịch lao động, bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho Nhân dân. Bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, nhất là khu vực biên giới.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 có **22** chỉ tiêu chủ yếu, bao gồm: **06** chỉ tiêu về kinh tế, **12** chỉ tiêu về văn hoá - xã hội và **04** chỉ tiêu về môi trường:

- Chỉ tiêu kinh tế:

- + Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP (*giá so sánh năm 2010*) tăng **7,0%**.
- + GRDP/người đạt **61,98** triệu đồng (*tương đương 2.617 USD*) theo giá thực tế.
- + Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt **6.819** tỷ đồng.
- + Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt chiếm **23,43%** GRDP.
- + Giá trị xuất khẩu hàng hoá (*không tính hàng hoá tạm nhập tái xuất*) đạt **1.185** triệu USD.

- + Tỷ lệ đô thị hóa đạt **39%**.

- Chỉ tiêu văn hóa - xã hội:

- + Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đạt **46,6%**.
- + Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt **73,6%** (*đào tạo nghề đạt 52,8%*).
- + Giảm **1,0%** tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (theo chiều cao) giảm còn **16,41%**.

- + Có **29,1** giường bệnh (*trong đó giường bệnh công lập 26,2 giường*) và **9,6** bác sĩ trên 01 vạn dân.

- + Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt **92%**.

- + Có **107** xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Trong đó, có thêm **04** xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và **01** xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- + Có thêm **07** hợp tác xã thành lập mới.

- + Có thêm **01** đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*nâng tổng số lên 08 đơn vị*).

- + Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi là **13,99%**.

- + Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi là **9,76%**.

- Chỉ tiêu môi trường:

- + Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch đạt **99,4%**.

- + Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt **88%**.

- + Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt **86%**.

- + Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt **92%**.

(Phụ lục kèm theo)

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, kiểm soát tốt tình hình dịch trên địa bàn.

- Phát triển ổn định khu vực nông - lâm - thủy sản và tăng tốc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện từng địa phương.

- Phát triển mạnh công nghiệp với vai trò đầu tàu tăng trưởng; khôi phục, gia tăng năng lực sản xuất của ngành chế biến. Tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn dịch Covid-19 trong tình hình mới. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu.

- Khôi phục và thúc đẩy tăng trưởng nhanh thương mại - dịch vụ; kết nối tiêu thụ hàng hóa, nông sản; đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

- Kích cầu du lịch, từng bước khôi phục lại hoạt động du lịch gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ, phục hồi tuyến du lịch quốc tế sau đại dịch Covid-19.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy khởi nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển và hoàn thiện mô hình Hội quán, tạo nguồn chuyển đổi thành hợp tác xã.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước. Đảm bảo nguồn chi ngân sách nhà nước theo dự toán và yêu cầu chi phát triển kinh tế - xã hội; duy trì tăng trưởng, nâng cao chất lượng tín dụng gắn với phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

- Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công gắn với huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; phát triển đô thị theo lộ trình. Hoàn thành quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển đồng bộ lĩnh vực văn hóa - xã hội, chăm lo và hỗ trợ người dân ổn định việc làm và an tâm sinh sống.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; nâng cao mức đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng kinh tế; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, chú trọng các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số để làm đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh biên giới; tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa X, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- TT/TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng

Phụ lục
KẾ HOẠCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI
CHỦ YẾU NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ư.TH 2021	Kế hoạch 2022
I	Về kinh tế			
1	- Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá 2010)	%	2,22	7,0
	+ Nông - lâm - thủy sản	%	3,14	3,7
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	2,09	9,0
	. Công nghiệp	%	2,54	9,2
	. Xây dựng	%	-0,05	8,03
	+ Thương mại - dịch vụ	%	1,5	8,70
	- Giá trị GRDP (giá 2010)	Tỷ đồng	55.894	59.807
	+ Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	19.810	20.543
	+ Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	13.340	14.540
	. Công nghiệp	Tỷ đồng	11.053	12.070
	. Xây dựng	Tỷ đồng	2.287	2.470
	+ Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	22.744	24.723
2	GRDP/người (giá thực tế) ^(**)	Tr. đồng	56,44	61,98 ^(*)
		USD	2.412	2.617
3	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	6.744	6.819
4	Huy động vốn đầu tư phát triển so với GRDP	%	20,0	23,43
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	38,5	39
6	Giá trị xuất khẩu hàng hoá (không tính hàng hoá tạm nhập tái xuất)	Triệu USD	1.100	1.185
II	Về văn hoá - xã hội			
7	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	48,2	46,6
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71,72	73,6
	Trong đó, đào tạo nghề	%	51,44	52,8
9	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025)	%	1,0	1,0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ư.TH 2021	Kế hoạch 2022
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo chiều cao (<i>theo kết quả cân của Tỉnh</i>)	%	16,61	16,41
11	Số giường bệnh/vạn dân	GB	28,9	29,1
	Trong đó, giường bệnh công lập	GB	26	26,2
12	Số bác sĩ/vạn dân	BS	9,3	9,6
13	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	91	92
14	Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới (<i>số lũy kế</i>)	xã	103	107
	Trong đó:			
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (<i>số lũy kế</i>)	xã	17	21
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã	0	1
15	Đơn vị cấp huyện cơ bản đạt chuẩn NTM	Đơn vị	7	8
16	Số hợp tác xã thành lập mới	xã	9	7
17	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	12,08	13,99
	Trong đó:			
	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	9,56	10,78
	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	2,52	3,21
18	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	8,58	9,76
III	Về môi trường			
19	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	99,2	99,4
20	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch	%	86	88
21	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý	%	85	86
22	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	90	92

Lưu ý:

(*): Chỉ tiêu đã được cập nhật trên cơ sở kết quả công bố Tổng cục Thống kê về số liệu GRDP năm 2020 (tăng 2,5%), tương ứng với mức tăng trưởng Kế hoạch năm 2021 là **7,0%**.

(**): Việc cập nhật là cần thiết khi Tổng cục Thống kê công bố số liệu GRDP chính thức vào tháng 3 năm 2022. UBND Tỉnh sẽ cập nhật báo cáo Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp thông qua Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng năm 2022.

- Dân số năm 2020: 1.600.014 người
- Dân số năm 2021 ước tính: 1.601.314 người
- Dân số năm 2022 ước tính: 1.602.200 người
- Tỷ giá USD và VND theo tỷ giá hối đoái bình quân:
 - + Năm 2020 23.400
 - + Năm 2021 (ước tính): 23.400
 - + Năm 2022 (ước tính): 23.600